TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 07-6-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Bế Chiến
Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên
Ông Dương Văn Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn ".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 102/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lục Văn A - sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ 03, phường C, huyện D, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Bị đơn: bà Nông Thị B - sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 03, phường C, huyện D, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nông Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lục Văn A trình bày: ông và bà Nông Thị B đăng ký kết hôn ngày 20/01/2000 tại Uỷ ban nhân dân xã Đức Quang, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ

sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm Đức Quang, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Sau đó chuyển ra huyện D sinh sống, đến năm 2009 vợ chồng chuyển đến sinh sống tại tổ 03, phường C, huyện D, tỉnh Cao Bằng đến nay.

Về quá trình chung sống: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến ngày 04/02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà B thường xuyên bỏ nhà đi không về, từ ngày mùng 3 tết đến nay ông chỉ gặp bà B ở nhà khoảng 03 lần, trong khi đó ông đi trên đường vẫn gặp bà B nhưng bà B vẫn không về nhà chăm lo cho gia đình, con cái. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ tết nguyên đán năm 2022 đến nay. Quá trình mâu thuẫn không xảy ra xô xát, đánh đập. Mâu thuẫn gia đình chưa được hòa giải lần nào. Nay ông A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lục Quang Trung (giới tính: Nam; sinh ngày 14/4/2002). Hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có tài sản nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nông Thị B trình bày: Về quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn bà xác nhận đúng như ông A đã trình bày. Tuy nhiên, bà không nhất trí ly hôn với ông A vì bà xác định tình cảm vợ chồng còn, vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Do công việc của bà là kinh doanh, có 02 cơ sở gồm 01 cơ sở ở Hà Nội và 01 cơ sở ở Cao Bằng nên bà thường xuyên phải đi lại hai nơi. Khi ông A đi trực thì bà vẫn về nhà. Một tháng bà về nhà ở Cao Bằng khoảng 3 - 4 lần, thời gian còn lại bà ở Hà Nội.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lục Quang Trung (giới tính: Nam; sinh ngày 14/4/2002). Hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có tài sản nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2022, tổ trưởng tổ 03, phường C, huyện D cho biết: hộ gia đình ông A, bà B cư trú tại tổ 03, phường C, huyện D, tỉnh Cao Bằng. Ông A là bộ đội còn bà B làm nghề tự do. Do bà B làm nghề tự do nên thường xuyên vắng nhà, lâu lâu mới trở về, thời gian trở về khoảng 1 - 2

ngày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông A và bà B do chưa qua hòa giải tại tổ dân phố nên ông không nắm được.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 102/2022/HNGĐ-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lục Văn A. Xử cho ông Lục Văn A được ly hôn bà Nông Thị B.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông Lục Văn A và bà Nông Thị B có 01 con chung là cháu Lục Quang Trung (giới tính: Nam; sinh ngày 14/4/2002). Hiện nay con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: các bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: các bên đương sự đều xác nhận quá trình chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí quyền kháng cáo của các Đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2022 bị đơn Nông Thị B có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án hôn nhân gia đình số 102/2022/HNGĐ-ST ngày 08-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Nông Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Trong quá trình tôi chung sống với ông Lục Văn Triệu thì đều hoàn thành tốt vai trò của người vợ, người mẹ trong gia đình, cuộc sống gia đình hạnh phúc, tình cảm vợ chồng gắn bó quan tâm đến nhau. Tuy nhiên do đặc thù công việc tôi phải đi làm xa, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình nên chồng tôi đã hiểu lầm và mong muốn ly hôn với tôi. Tại phiên tòa hôm nay tôi mong muốn được gắn bó, đoàn tụ với

chồng tôi.

Nguyên đơn Lục Văn Triệu không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nông Thị B, nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo của bị đơn Nông Thị B không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn, nộp trong thời hạn luật định, bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo và căn cứ kháng cáo của bị đơn Nông Thị B.

Yêu cầu kháng cáo: Bà B đề nghị HĐXX xem xét lại bản án sơ thẩm về việc ly hôn. Bà B cho rằng: mâu thuẫn giữa hai bên chưa trầm trọng vẫn còn khả năng khắc phục được, chị vẫn còn tình cảm với ông Triệu. Do vậy đề nghị Tòa án cho hai bên đoàn tụ để cùng nhau hàn gắn lại tình cảm vợ chồng.

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Ông Lục Văn A và bà Nông Thị B đăng ký kết hôn ngày 20/01/2000 tại Uỷ ban nhân dân xã Đức Quang, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và tổ chức lễ cưới tại 2 bên gia đình. Sau khi kết hôn, ông A và bà B chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà B thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi ở nhà, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ tết nguyên đán năm 2022 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án sơ thẩm, phúc thẩm, ông A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đến mức độ trầm trọng không thể khắc phục nên yêu cầu được ly hôn. Còn bà B cho

rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nên không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy bà B không nhất trí ly hôn với ông A nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, bà B vẫn thường xuyên không ở nhà, không có sự cố gắng, nỗ lực để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho đến nay mẫu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được, tại phiên tòa phúc thẩm ông Triệu vẫn mong muốn ly hôn với chị B. HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà B chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng. Do đó Tòa án sơ thẩm cho anh Triệu ly hôn với bà B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi xét xử sơ thẩm bà B kháng cáo nhưng không có tài liệu bổ sung bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình, do vậy cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nông Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nông Thị B. Giữ nguyên quyết định của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 102/2022/HNGĐ-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm:

Bà Nông Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước, xác nhận bà B đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0003247 ngày 10 tháng 10 năm 2022 tại chi cục thi hành án dân sự thành Phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS Thành phố CB;
- TAND Thành phố CB;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Bế Chiến